Contents

[Mẹo thi TOEIC Part 1: Mô Tả Hình Ảnh 1](#_Toc71065281)

[Mẹo thi TOEIC Part 2: Hỏi Đáp 2](#_Toc71065282)

[Mẹo thi TOEIC Part 3: Đoạn Hội Thoại 4](#_Toc71065283)

[Mẹo thi TOEIC Part 4: Bài nói chuyện 6](#_Toc71065284)

[Mẹo thi TOEIC Part 5: Điền vào chỗ trống 7](#_Toc71065285)

[Mẹo thi TOEIC Part 5: Loại câu hỏi về ngữ pháp 8](#_Toc71065286)

[Mẹo thi TOEIC Part 5: Loại câu hỏi về từ vựng 14](#_Toc71065287)

[Mẹo thi TOEIC Part 6: Điền vào đoạn văn 16](#_Toc71065288)

[Mẹo thi TOEIC Part 7: Đọc hiểu đoạn văn 16](#_Toc71065289)

Mẹo thi TOEIC Part 1: Mô Tả Hình Ảnh

* Mẹo #1: Trước khi làm bài, hãy nhìn tổng quát cả hình và phán đoán những danh từ và động từ có liên quan, rồi thử đoán trước những ngữ cảnh hoặc tình huống có thể xảy ra được trong hình.
  + Khi nhìn vào một hình, bạn có thể thử đoán trước về:
    - Hoạt động (ví dụ: người đàn ông đang làm gì?).
    - Ngữ cảnh chung (ví dụ: bữa ăn đã sẵn sàng).
    - Mối quan hệ giữa các vật trong hình (ví dụ: ở giữa, bên phải, trong góc, v.v.).
* Điều này sẽ giúp bạn biết được những cái sắp được đề cập đến trong bài nghe.
* Mẹo #2: Mẹo thi TOEIC #2: Chú ý nghe động từ hoặc danh từ của từng phương án. Câu sai thường do sai động từ hoặc danh từ, nghĩa là liên quan đến những vật hoặc hành động không có trong hình.
  + Cấu trúc câu của hầu hết các lựa chọn là:
    - **Subject + Verb.**
    - **Subject + Verb + Object.**
  + Trong đó, danh từ được dùng trong vị trí Subject và Object. Các lựa chọn sai sẽ là hoặc sai danh từ, hoặc sai động từ hoặc sai cả hai.
  + Những câu sai thường sẽ miêu tả những chi tiết không có trong hình và chúng liên quan đến sai động từ hay sai danh từ. Chính vì thế, bạn cần **chú ý nghe động từ và danh từ của từng câu**.
* Mẹo #3: Đừng bỏ qua những chi tiết nhỏ trong hình. Thỉnh thoảng (dù hơi hiếm), bài sẽ đánh đố những chi tiết rất nhỏ và không hỏi hoặc hỏi sai những chi tiết chính.
  + Khi nhìn một tấm hình, chúng ta nên nhìn từ góc độ bao quát trước, xem có các vật gì trong hình và vị trí của chúng so với nhau như thế nào. Nếu chúng ta chỉ tập trung vào các vật ở trung tâm tấm hình thì rất dễ bị đề bài đánh lừa vì họ sẽ không nói gì đến những vật ở vị trí ấy, hoặc cố tình nói sai 1 ý nhỏ trong đó để bẫy chúng ta.
* Mẹo #4: Quan sát hành động đang xảy ra trong hình và chú ý đến thì tiếp diễn (Being hoặc Be + V\_ing)
  + Khi xem xét hình ảnh hãy cố gắng tập trung vào hành động đang diễn ra trong hình và bạn không nên suy đoán thêm gì cả.
* Mẹo #5: Lắng nghe giới từ chỉ nơi chốn.
  + Lắng nghe thật kĩ các giới từ chỉ nơi chốn để có thể chọn được đáp án đúng.  Cho nên khi nhìn một hình nào đó chúng ta phải xác định vị trí của các vật với nhau xem chúng nằm bên trái, phải, phía trước, hay đằng sau vật còn lại, sau đó lắng nghe và chọn đáp án.
* Mẹo #6: Làm quen với câu bị động.
  + Một số câu hỏi trong phần nghe về vị trí của đồ vật được miêu tả bằng câu bị động. Cho nên khi nhìn một hình nào đó chúng ta phải xác định vị trí của các vật được đặt ở đâu trên / trong các vật khác. Sau đó tập trung lắng nghe để có thể chọn được đáp án đúng.

# Mẹo thi TOEIC Part 2: Hỏi Đáp

* Mẹo #1: Lắng nghe thật kĩ từ hỏi trong bài nghe: when (khi nào), who (ai), where (nơi chốn) hay how (cách thức).
  + Khi nghe một câu hỏi, bạn phải nắm bắt nhanh từ để hỏi trong câu là gì?
    - When: hỏi về thời gian.
    - Who: hỏi về người.
    - Where: hỏi về nơi chốn.
    - How: hỏi về cách thức.
* Điều này sẽ giúp bạn có thể đoán được câu trả lời tốt hơn trong tình huống bạn không nghe được toàn bộ câu hỏi.
  + Lưu ý: Bạn sẽ phải nhớ cả câu hỏi lẫn 3 lựa chọn nên có trí nhớ ngắn hạn tốt là 1 lợi thế. Vì vậy, sau khi đã nắm bắt được ý của câu hỏi hỏi về việc gì, khi các lựa chọn được đọc lên, nếu lựa chọn nào thấy sai thì quên ngay và tập trung nghe lựa chọn tiếp theo. Không nên mải mê lo nhớ đáp án cũ mà quên việc nghe đáp án mới bạn nhé.
  + Và một điều nữa hay gặp trong phần nghe thứ hai này. Đó chính là câu trả lời đúng có thể sẽ rất ngắn chứ không nhất thiết phải là một câu đầy đủ Subject - Verb – Object.
* Mẹo #2: Càng về sau, mức độ khó của câu hỏi cũng tăng dần. Câu trả lời sẽ không trả lời trực tiếp cho câu hỏi mà sẽ gián tiếp hơn.
  + Ngoài nghe được ý của câu hỏi, ở các câu hỏi sau bạn cần phải tập trung cao độ hơn để nghe chính xác nội dung câu hỏi là gì vì có thể các câu trả lời sẽ không còn trực tiếp như các câu ở phần đầu. Cho nên khi nghe câu hỏi, bạn phải nhớ liền nội dung của nó là gì để sau khi nghe các đáp án sẽ loại được các đáp án không hợp văn cảnh.
  + Ở những câu hỏi càng về sau như thế này đòi hỏi chúng ta phải lắng nghe kĩ nội dung của câu hỏi và câu trả lời, xét xem chúng có hợp văn cảnh hay không. Và luyện trí nhớ tốt cũng là cách để vượt qua được những câu hỏi như thế này.
  + Trong lúc luyện tập, bạn có thể luyện khả năng tốc ký để làm quen với các dạng câu hỏi này. Tốc ký ở đây chính là ghi nhanh xuống nội dung của câu hỏi và câu trả lời, bạn càng luyện tập nhiều thì khả năng nhớ của bạn sẽ nâng cao lên, và đến một ngày nào đó bạn sẽ không cần phải tốc ký nữa mà vẫn nhớ được hết nội dung của câu hỏi và câu trả lời.
* Mẹo #3: Tránh bẫy về từ đồng âm - khác nghĩa
  + Từ đồng âm khác nghĩa là một bẫy khá hay gặp trong phần 2 của đề thi TOEIC.
  + Ví dụ: When will the board meeting begin? → Buổi họp hội đồng khi nào bắt đầu?
    - A. After the president arrives. → Sau khi chủ tịch đến.
    - B. In the conference room. → Ở phòng hội nghị.
    - C. We should board the plane now. → Chúng ta nên lên máy bay bây giờ thôi.
  + Ở câu trên từ "board" trong câu hỏi là một danh từ thể hiện nghĩa "hội đồng quản trị", còn từ "board" trong đáp án C lại là động từ mang nghĩa "lên máy bay". Nếu chúng ta chỉ nghe loáng thoáng thấy câu hỏi có từ "board" và nghe câu trả lời C cũng loáng thoáng có từ "board" rồi sau đó kết luận C là đáp án đúng thì chúng ta đã được một cú lừa ngoạn mục rồi nhé.
* Mẹo #4: Tránh bẫy về các từ phát âm gần giống nhau như nghĩa hoàn toàn khác nhau.
  + Ví dụ: Hasn't the company hired more workers yet? → Công ty đã thuê thêm nhân viên chưa?
    - A. Yes, I'm leaving for work now. → Vâng, tôi đang đi làm.
    - B. Yes, it will get higher. → Vâng, nó sẽ cao hơn.
    - C. They're still interviewing people. → Họ đang còn phỏng vấn.
  + Nếu nghe họ đọc nhanh thì "hired" và "higher" sẽ rất dễ bị nhầm lẫn là 1 từ với nhau. Và trong trường hợp chúng ta nghe không rõ được nội dung, khả năng chúng ta sẽ bị mắc bẫy về từ khác âm khác nghĩa này rất cao.
* Mẹo #5: Tránh bẫy về câu hỏi và đáp án cùng đề cập một chủ đề nhưng lại không liên quan đến nhau.
  + Ví dụ: It's going to take a long time to clean the garage. → Sẽ tốn khá lâu để lau dọn ga-ra đây.
    - A. For about 3 years. → Khoảng 3 năm.
    - B. Do you need any help? → Bạn cần giúp đỡ không?
    - C. Yes, it's very clean. → Vâng, nó rất sạch.
  + Nếu bạn chỉ nghe được cụm "take a long time" thì khi nghe đáp án chỉ có đáp án A nhắc đến 3 năm và liên quan đến thời gian dài, và nếu chúng ta suy nghĩ theo hướng đó thì khả năng chúng ta sẽ dính bẫy rất cao. Trên thực tế đáp án đúng của câu trên là B.
* Mẹo #6: Chọn câu trả lời có nội dung là "Tôi không biết" thì 99% là đúng.
  + Khi nghe thấy đáp án "Tôi không biết" thì bạn có thể chọn ngay vì 99% trường hợp câu hỏi nào có lựa chọn này thì lựa chọn này là đáp án đúng!
  + Một số câu "Tôi không biết" phổ biến:
    - I don't know.
    - I'm not sure.
    - I have no idea.
    - I haven't decided yet.
    - It hasn't been decided yet.
    - I was not informed about it.
* Mẹo #7: Lắng nghe kỹ thì động từ của câu hỏi
  + Có rất nhiều câu hỏi ở phần 2 chỉ cần chúng ta nghe được thì của câu hỏi thì việc lựa chọn đáp án sẽ dễ dàng hơn. Chúng ta sẽ không bao giờ chọn một câu trả lời cho việc xảy ra ở tương lai cho một câu hỏi về hoạt động trong quá khứ đúng không nào.

# Mẹo thi TOEIC Part 3: Đoạn Hội Thoại

* Mẹo #1: Theo dõi nội dung cuộc hội thoại theo từng nhân vật trong đoạn hội thoại.
  + Đối với cuộc hội thoại có 2 nhân vật:
    - Cuộc đối thoại là giữa 1 nam và 1 nữ. Do đó, khi nhớ ý thì cố nhớ luôn cả người nói là ai. Một cách để dễ nhớ ý hơn là tự hỏi mình là: người đàn ông hay phụ nữ đang ở vai trò nào, người hỏi hay người đáp, nếu hỏi thì hỏi gì, đáp thì có thêm ý kiến gì không.
    - Ban đầu mới tập nghe phần 3 bạn nên tập ghi chú lại nội dung bằng cách kẻ một đường thẳng giữa trang giấy và phân bên trái là những gì người nam nói, bên phải là những gì người nữ nói, hoặc ngược lại. sau đó tập trung nghe và ghi lại những điều từng người nói để có thể vừa hiểu nội dung câu chuyện, vừa nắm bắt được một ý nào đó là do người nam hay người nữ nói.
    - Một khi bạn đã nắm được khái quát cả hai nhân vật của chúng ta bàn luận vấn đề gì thì những câu hỏi về cuộc hội thoại diễn ra ở đâu hoặc đoạn hội thoại nói về vấn đề gì sẽ chẳng còn là vấn đề to tát cho bạn.
  + Đối với cuộc hội thoại có 3 nhân vật:
    - Điểm khác biệt ở đây chỉ là đoạn hội thoại loại này có 3 người nói chuyện (2 nam 1 nữ hoặc 2 nữ 1 nam), thay vì 2 người (1 nam 1 nữ), còn lại cách thức ra câu hỏi vẫn không có gì thay đổi. Vì vậy, chúng ta chỉ cần làm giống như cách bạn làm các bài đọc có 2 người nói chuyện.
    - Bài tập loại này cũng có gây khó khăn một chút: sẽ có lúc 2 người nam (hoặc 2 người nữ) nói 2 câu liên tiếp, nên nếu bạn không nhận ra được 2 giọng khác nhau thì có khả năng lầm tưởng chỉ có 1 người nói. Vì vậy, bạn nên chú ý nghe và luyện tập phân biệt giọng nói của người nói.
    - Thông thường thì mỗi người nói một giọng khác nhau (giọng Anh, giọng Mỹ, giọng Úc, giọng Canada), vì vậy cách tốt nhất để phân biệt giọng của 3 người đó là luyện tập nghe các giọng khác nhau cho quen.
* Mẹo #2: Đọc trước câu hỏi trước khi đoạn audio bắt đầu để có thể hình dung đoạn hội thoại đang nói về cái gì.
  + Bạn có đủ thời gian để đọc trước các câu hỏi để có thể dự đoán nội dung của đoạn hội thoại và biết trước mình cần chú ý đến những chi tiết nào trong đoạn hội thoại bằng cách làm như sau:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Thời gian | Bạn làm gì | Kết quả |
| Đoạn băng đọc hướng dẫn cách làm bài Part 3. | Bạn đọc 3 câu hỏi trắc nghiệm của đoạn hội thoại đầu tiên của Part 3. | Việc đọc trước câu hỏi giúp bạn dự đoán được nội dung của đoạn hội thoại và biết mình cần chú ý đến những chi tiết nào trong đoạn hội thoại. |
| Đoạn băng đọc đoạn hội thoại. | Bạn tập trung nghe đoạn hội thoại và đánh trắc nghiệm vào Answer Sheet. | Bạn làm xong đoạn hội thoại này một cách dễ dàng hơn nhờ đã đọc trước câu hỏi. |
| Đoạn băng đọc từng câu hỏi trắc nghiệm của đoạn hội thoại. | Bạn đọc 3 câu hỏi trắc nghiệm của đoạn hội thoại tiếp theo. | Việc đọc trước câu hỏi giúp bạn dự đoán được nội dung của đoạn hội thoại và biết mình cần chú ý đến những chi tiết nào trong đoạn hội thoại. |
| Đoạn băng đọc đoạn hội thoại tiếp theo. | Bạn tập trung nghe đoạn hội thoại và đánh trắc nghiệm vào Answer Sheet. | Bạn làm xong đoạn hội thoại này một cách dễ dàng hơn nhờ đã đọc trước câu hỏi. |

* + Cách đọc trước câu hỏi:
    - **Đọc hiểu nghĩa của các câu hỏi.**
    - **Hình dung xem nội dung của đoạn hội thoại sắp tới hướng đến điều gì và diễn ra ở đâu.**
* Mẹo #3: Tránh các bẫy phổ biến trong part 3.
  + Chúng ta phải lắng nghe thật kỹ cả câu, vì đôi khi người nói sẽ dùng các cấu trúc như "We used to, but...." hay "I'd love to but I have to...." thì ban đầu tưởng chừng đồng ý nhưng thật sự là từ chối.
  + Đừng cả tin vào một hai từ mà tai chúng ta nghe được, vì đó có thể là bẫy của người ra đề. Thay vào đó hãy cố gắng nghe và nhớ được các chi tiết cụ thể của bài hội thoại để có thể lựa chọn được đáp án chính xác cho câu hỏi.
* Mẹo #4: Suy luận từ những dữ kiện dễ.
  + Hầu hết các đoạn đối thoại trong phần 3 sẽ bắt đầu bằng một câu hỏi hay một lời yêu cầu. Lắng nghe những gì người nói nói và lời đáp lại đầu tiên bởi nó có thể sẽ trả lời cho câu hỏi đầu tiên của bài.
  + Đối với những câu hỏi suy luận thông tin (như: What can be inferred/said/suggested......?), hãy chú ý lắng nghe những thông tin có liên quan. Như khi đề hỏi ta suy ra được gì từ người phụ nữ, chú ý nghe những gì mà giọng nữ nói để từ đó loại trừ những thông tin không chính xác.
  + Và đáp án đúng để chọn có thể dùng từ đồng nghĩa chứ không nhất thiết phải dùng đúng từ có trong bài nói.

# Mẹo thi TOEIC Part 4: Bài nói chuyện

* Mẹo #1: Đọc trước câu hỏi và Suy luận nội dung của bài nói từ câu hỏi.
  + Bạn có đủ thời gian để đọc trước các câu hỏi để có thể dự đoán nội dung của bài nói chuyện và biết trước mình cần chú ý đến những chi tiết nào trong bài nói chuyện bằng cách làm như sau:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Thời gian | Bạn làm gì | Kết quả |
| Đoạn băng đọc hướng dẫn cách làm bài Part 4. | Bạn đọc 3 câu hỏi trắc nghiệm của bài nói chuyện đầu tiên của Part 4. | Việc đọc trước câu hỏi giúp bạn dự đoán được nội dung của bài nói chuyện và biết mình cần chú ý đến những chi tiết nào trong bài nói chuyện. |
| Đoạn băng đọc bài nói chuyện. | Bạn tập trung nghe bài nói chuyện và đánh trắc nghiệm vào Answer Sheet. | Bạn làm xong bài nói chuyện này một cách dễ dàng hơn nhờ đã đọc trước câu hỏi. |
| Đoạn băng đọc từng câu hỏi trắc nghiệm của bài nói chuyện. | Bạn đọc 3 câu hỏi trắc nghiệm của bài nói chuyện tiếp theo. | Việc đọc trước câu hỏi giúp bạn dự đoán được nội dung của bài nói chuyện và biết mình cần chú ý đến những chi tiết nào trong bài nói chuyện. |
| Đoạn băng đọc bài nói chuyện tiếp theo. | Bạn tập trung nghe bài nói chuyện và đánh trắc nghiệm vào Answer Sheet. | Bạn làm xong bài nói chuyện này một cách dễ dàng hơn nhờ đã đọc trước câu hỏi. |

* + Cách đọc trước câu hỏi:
    - Đọc hiểu nghĩa của các câu hỏi.
    - Hình dung xem nội dung của bài nói chuyện sắp tới hướng đến điều gì và diễn ra ở đâu.
* Mẹo #2: Nghe và tô đáp án ngay lập tức.
  + Phải hết sức tập trung khi bài đọc bật lên vì nếu bạn lơ đãng một tí thì có thể sẽ phải đánh lụi cả 3 câu của bài nói đó.
  + Ở phần này, cả câu hỏi lẫn đáp án trong phần này vẫn xuất hiện theo đúng thứ tự của bài nghe. Cho nên chúng ta cần nghe nắm ý nhanh và chọn đáp án cho thật mau lẹ.
  + Ngay khi tìm được đáp án thì nhanh chóng tô ngay vào phiếu trả lời rồi qua câu khác làm, dành thời gian dư đọc trước câu hỏi của bài nghe tiếp theo.
  + Đặc biệt bạn nên thận trọng với các con số trong phần nghe này, rất dễ đánh sai đáp án.
* Mẹo #3: Nghe ý và cẩn thận với từ đồng nghĩa.
  + Câu trả lời đúng có thể sẽ dùng từ đồng nghĩa với từ có trong bài chứ không dùng từ đúng y như vậy. Do đó, đừng chỉ cố nghe để lấy từ khóa mà hãy nhớ ý từ bài.
  + Bạn hãy nhớ rằng khác với phần 3, phần này không có bẫy. Nếu trong bài có từ vựng hoặc cách diễn đạt hơi giống trong bài thì gần như chắc chắn đó là đáp án đúng.

# Mẹo thi TOEIC Part 5: Điền vào chỗ trống

* Mẹo #1: Xác định từ loại của từ cần điền.
  + Xem trước 4 lựa chọn → xác định loại câu hỏi (từ loại, ngữ pháp, từ vựng). Nếu hỏi từ loại hoặc ngữ pháp thì chỉ cần xem ở chỗ cần điền và từ xung quanh nó, không cần đọc cả câu.
  + Khi biết được đây là câu hỏi về từ loại thì điều đầu tiên cần làm là phán đoán xem từ loại còn thiếu là từ loại nào: tính từ, trạng từ, danh từ hay động từ. Sau đó, tìm loại từ đó trong 4 phương án. Thông thường, những câu hỏi này không cần phải dịch câu.
* Mẹo #2: Học các từ thường đi chung với nhau.
  + Học một số phrasal verb thông dụng trong ngữ cảnh công sở.
  + Ví dụ:
    - Fill out = điền vào (đơn).
    - Go over = kiểm tra (văn bản).
    - Back up = trợ giúp, ủng hộ (ai đó).
  + Bạn cũng nên học một số cụm từ hay dùng trong ngữ cảnh công sở.
  + Ví dụ:
    - Take responsibility for something = be responsible for something = chịu trách nhiệm cho việc gì đó.
    - Free of charge = miễn phí.
* Mẹo #3: Chú ý đến thì của các phương án.
  + Các câu hỏi về ngữ pháp chỉ xoay quanh những điểm ngữ pháp căn bản. Câu hỏi ngữ pháp về động từ chiếm tỉ lệ khá cao. Do đó, cần hiểu rõ cách dùng thì và thể trong 1 câu tiếng Anh. Nên dùng phương pháp loại trừ.
  + Chú ý đến thì của các phương án. Nhiều câu hỏi sẽ thử xem bạn có nhận diện được thì đúng trong câu hay không. Tập trung vào những "manh mối" giúp bạn xác định thì.
  + Các manh mối xác định thì của câu: Trạng từ (yesterday, tomorrow, recently, v.v); hoặc vào mệnh đề còn lại của câu (chủ điểm Sự hòa hợp giữa các thì trong câu).
* Mẹo #4: Quản lý thời gian.
  + Không nên dành quá 30 giây cho 1 câu hỏi trong phần 5 vì bạn cần nhiều thời gian để làm phần 7. Nếu sau hơn 1 phút mà vẫn chưa chọn được đáp thì hãy tạm để nó qua một bên hoặc đánh đại và nếu cuối giờ còn thời gian thì quay lại làm sau.
  + Dùng phương pháp 2 lượt: Trả lời trước những câu hỏi dễ, tạm bỏ qua những câu hỏi khó. Sau khi kết thúc phần 5 hãy quay lại với những câu hỏi chưa trả lời.

# Mẹo thi TOEIC Part 5: Loại câu hỏi về ngữ pháp

1. Xác định thì động từ (verb tenses)
   1. Đặc điểm:

* Loại câu hỏi này yêu cầu bạn xác định động từ cần điền vào câu cần được chia ở thì nào. Một cách dễ dàng để biết câu hỏi "Xác định thì động từ" này là khi nhìn vào 4 đáp án, tất cả các đáp án đều chứa 1 động từ duy nhất, nhưng mỗi đáp án là một thì khác nhau.
* Ví dụ: The Paris branch of our bank \_\_\_\_\_ five years ago today.
  + A. opens = thì hiện tại đơn.
  + B. has opened = thì hiện tại hoàn thành.
  + C. opened = thì quá khứ đơn.
  + D. was opening = thì quá khứ tiếp diễn.
* Đáp án của câu này là C (opened) vì sự việc này xảy ra tại một thời điểm xác định trong quá khứ. Chúng ta sẽ tìm hiểu cách suy luận cho loại câu hỏi này tiếp theo dưới đây.
  1. Cách làm câu hỏi về thì động từ:
     + - Để chọn đáp án đúng cho loại câu hỏi này thì bạn nên tìm các dấu hiệu về thì động từ. Một số ví dụ tiêu biểu cho các thì thường gặp là:
         * Dấu hiệu cho thì hiện tại đơn:

Trong câu có các trạng từ như **every day, sometimes, always, often, usually, seldom, never.**

* + - * + Dấu hiệu cho thì hiện tại tiếp diễn:

Trong câu có các trạng từ như **now, at the moment, right now, at the present.**

Trong câu có từ **Look!**, **Listen!**

* + - * + Dấu hiệu cho thì hiện tại hoàn thành:

Trong câu có các trạng từ **just, yet, never, ever, already, so far.**

Trong câu có cấu trúc **since**+ thời điểm.

Trong câu có cấu trúc **for**+ khoảng thời gian.

* + - * + Dấu hiệu cho thì quá khứ đơn:

Trong câu có nói về một thời điểm trong quá khứ như**yesterday, last week, two months ago, in 1990**.

* + - * + Dấu hiệu cho thì tương lai đơn:

Trong câu có nói về một thời điểm trong tương lai như **tomorrow, next Monday, in three weeks, in the future, soon.**

* + - * Ngoài những thì động từ ở trên thì đề thi TOEIC cũng còn những thì khác tuy ít phổ biến hơn nhưng cũng chiếm một số lượng câu hỏi kha khá trong bài thi nên bạn nên học thật kỹ về 12 thì động từ và các dấu hiệu nhận biết chúng nhé!

1. Xác định dạng của động từ (verb forms)
   1. Đặc điểm:
      * + Ngoài chia thì ra thì động từ trong tiếng Anh còn có thể chia theo dạng. Ví dụ, động từ **go** có 4 dạng sau:
          - Go: nguyên mẫu.
          - To go: to V.
          - Going: V-ing.
          - Gone: V3 / V-ed.
        + Câu hỏi loại này sẽ yêu cầu bạn chọn dạng động từ phù hợp để điền vào chỗ trống, vì vậy khi nhìn vào các đáp án mà bạn thấy các dạng động từ là bạn biết đây là câu hỏi **"Xác định dạng của động từ"** rồi.
        + Ví dụ: We forced our competitors \_\_\_\_\_ their prices.
          - A. to lower = dạng to V.
          - B. lower = dạng nguyên mẫu.
          - C. lowered = dạng V3 / V-ed.
          - D. lowering = dạng V-ing.
        + Đáp án của câu này là A (to lower) vì sau động từ **force** có cấu trúc "force + NOUN + to V + NOUN". Chúng ta sẽ tìm hiểu cách suy luận cho loại câu hỏi này tiếp theo dưới đây.
   2. Cách làm câu hỏi về dạng động từ:
      * + Mỗi dạng được dùng trong các cấu trúc khác nhau và mẫu cấu trúc có cách nhận biết khác nhau nên bạn cần ghi nhớ các kiến thức này để làm bài TOEIC Part 5 cho thật tốt. Một số cấu trúc tiêu biểu là:
          - Dạng to V:

Dùng để biểu hiện mục đích.

Dùng sau một số động từ như **agree, begin, choose, expect, hope, prepare, want.**

* + - * + Dạng nguyên mẫu:

Dùng sau động từ khiếm khuyết như **can, might, must, ...**

Dùng sau một số động từ như **have, let, make.**

* + - * + Dạng V-ing:

Dùng trong cấu trúc của các thì tiếp diễn.

Dùng sau một số động từ như **avoid, consider, finish, imagine, practice, quit, spend.**

* + - * + Dạng V3 / V-ed:

Dùng trong cấu trúc của các thì hoàn thành.

Dùng trong cấu trúc [câu bị động](https://tienganhmoingay.com/ngu-phap-tieng-anh/cau-bi-dong/).

* + - * Mặc dù mỗi động từ trong tiếng Anh chỉ có 4 dạng thôi, nhưng mỗi dạng đều có khá nhiều cách sử dụng, vì vậy bạn nên học kỹ mỗi dạng được dùng trong những cấu trúc nào để có thể làm đúng loại câu hỏi này.

1. Câu hỏi về đại từ (pronouns)
   1. Đặc điểm:
      * + **Loại câu hỏi về đại từ** muốn kiểm tra kiến thức về đại từ của bạn, vì vậy 4 đáp án của nó sẽ là các loại đại từ để bạn lựa chọn. Đây chính là đặc điểm nhận diện loại câu hỏi này.
        + Ví dụ: Mr. Richard, with \_\_\_\_\_ work experience and competence, deserves the promotion.
          - A. he = đại từ đóng vai trò chủ ngữ.
          - B. his = tính từ sở hữu.
          - C. him = đại từ đóng vai trò tân ngữ.
          - D. himself = đại từ phản thân.
        + Đáp án của câu này là B (his) bởi vì chúng ta cần một tính từ sở hữu để bổ nghĩa cho 2 danh từ "**experience**" và "**competence**". Vậy làm sao để biết cách suy luận như trên? Chúng ta hãy tìm hiểu ngay dưới đây!
   2. Cách làm câu hỏi về đại từ:
      * + Loại câu hỏi này có cách làm khá đơn giản. Để xác định được nên chọn đại từ nào, bạn cần dựa vào các từ xung quanh:
          - Nếu chỗ trống đứng trước động từ chia thì → chỗ trống là chủ ngữ:

Chọn đại từ đóng vai trò chủ ngữ **he, she, it, they**.

* + - * + Nếu chỗ trống đứng sau động từ chia thì → chỗ trống là tân ngữ:

Chọn đại từ đóng vai trò tân ngữ **him, her, it, them**.

Chọn đại từ phản thân **himself, herself, itself, themselves** nếu chủ ngữ thực hiện hành động lên chính mình.

* + - * + Nếu chỗ trống đứng trước danh từ → chỗ trống phải bổ nghĩa cho danh từ:

Chọn tính từ sở hữu **his, her, its, their**.

* + - * + Nếu chỗ trống đứng sau danh từ khác:

Chọn đại từ phản thân **himself, herself, itself, themselves.**

* + - * + Nếu chỗ trống đứng sau giới từ **by** và sau chỗ trống không có danh từ:

Chọn đại từ phản thân **himself, herself, itself, themselves.**

* + - * + Nếu chỗ trống đứng sau giới từ khác **by**:

Chọn đại từ đóng vai trò tân ngữ **him, her, it, them.**

Chọn đại từ phản thân **himself, herself, itself, themselves** nếu chủ ngữ thực hiện hành động lên chính mình.

* + - * + Riêng các đại từ sở hữu **his, hers, its, theirs** có thể đứng ở bất kỳ vị trí nào (trừ vị trí trước hoặc sau danh từ). Nếu trong đáp án có đại từ sở hữu, bạn chỉ cần xét thêm về nghĩa của câu.

Vai trò chủ ngữ: Her bag is expensive but **his** is not = Cái túi xách của cô ấy thì đắt, nhưng **cái của anh ấy** thì rẻ.

Vai trò tân ngữ: She loves her job but he hates his = Cô ấy yêu thích công việc của cô ấy, nhưng anh ấy thì ghét **(công việc) của anh ấy.**

1. Chọn giới từ thích hợp (prepositions)
   1. Đặc điểm:
      * + Khi bạn nhìn vào 4 đáp án mà toàn thấy giới từ thì nghĩa là câu hỏi đang muốn kiểm tra bạn về các giới từ.
        + Ví dụ: I'm hoping \_\_\_\_\_ a chance to try their lunch menu soon because it also looks quite good.
          - A. to.
          - B. with.
          - C. for.
          - D. on.
        + Cả 4 đáp án ở trên đều là 4 giới từ. Đáp án của câu này là C (for) bởi vì động từ **hope** có cấu trúc "hope + for + NOUN". Chúng ta sẽ tìm hiểu cách làm bài loại câu hỏi này sau đây.
   2. Cách làm câu hỏi về giới từ:
      * + Để làm loại câu hỏi này, bạn cần học nghĩa của các giới từ. Sau đây là 25 giới từ cực kỳ thông dụng trong đề thi TOEIC:
          - Of (của).
          - In (trong).
          - To (đến).
          - For (dành cho).
          - With (với).
          - On (trên).
          - At (ở / tại).
          - From (từ).
          - By (bởi).
          - About (về).
          - As (như).
          - Into (vào trong).
          - Like (như).
          - Through (xuyên qua / thông qua).
          - After (sau).
          - Over (hơn).
          - Between (giữa).
          - Out (ra ngoài).
          - Against (ngược lại với).
          - During (trong thời gian).
          - Without (không có).
          - Before (trước).
          - Under (dưới).
          - Around (xung quanh).
          - Among (giữa).
        + Tuy nhiên, câu chuyện về giới từ vẫn chưa kết thúc ở đây. Nếu bạn để ý, giới từ không thể dịch lúc nào cũng giống nhau được, ví dụ:
          - I'm proud **of**you = Tôi tự hào **về**bạn.
          - I'm disappointed **in**you = Tôi thất vọng **về**bạn.
        + Cùng dịch là về nhưng tiếng Anh lại dùng 2 giới từ khác nhau. Vì vậy, trong một số trường hợp, dịch nghĩa có vẻ không ổn. Để điền được đúng giới từ, bạn cần để ý đến danh từ / động từ / tính từ đứng trước nó, bởi vì mỗi từ sẽ đi kèm với một giới từ khác nhau.
        + Một số tính từ và giới từ luôn đi kèm với nhau:
          - Afraid of.
          - Angry at.
          - Aware of.
          - Capable of.
          - Careless about.
          - Familiar with.
          - Fond of.
          - Happy about.
          - Interested in.
          - Jeaslous of.
          - Made of.
          - Made from.
          - Married to.
          - proud of.
          - Similar to.
          - Sorry for.
          - Sure of.
          - Tired of.
          - Worried about.
        + Một số danh từ và giới từ luôn đi kèm với nhau:
          - Approval of.
          - Awareness of.
          - Belief in.
          - Concern for.
          - Confusion about.
          - Desire for.
          - Fondness for.
          - Grasp of.
          - Hatred of.
          - Hope for.
          - Interest in.
          - Love of.
          - Need for.
          - Participation in.
          - Reason for.
          - Respect for.
          - Success in.
        + Một số động từ và giới từ luôn đi kèm với nhau:
          - Apologize for.
          - Ask for.
          - Belong to.
          - Care for.
          - Hear of.
          - Know about.
          - Pay for.
          - Prepare for.
          - Speak of.
          - Study for.
          - Talk about.
          - Think about.
          - Think of.
          - Worry about.
        + Ngoài ra, thỉnh thoảng bạn cũng sẽ thấy một số giới từ bao gồm 2 từ trở lên:
          - Due to (bởi vì).
          - Except for (ngoại trừ).
          - According to (theo).
          - Instead of (thay vì).
        + Kiến thức về giới từ khá "khổng lồ" đấy, vì thế bạn nên học thêm chi tiết về các giới từ và cách dùng giới từ nhé!
2. Phân biệt liên từ và giới từ (conjunctions vs prepositions)
   1. Đặc điểm:
      * + Khi làm bài TOEIC Part 5, bạn sẽ có thể gặp các câu hỏi có 4 đáp án là liên từ và giới từ.
        + Ví dụ: \_\_\_\_\_\_ it rained, the outdoor concert was delayed.
          - A. Because of.
          - B. Because.
          - C. Although.
          - D. Despite.
        + Trong 4 đáp án này, B (because) và C (although) là liên từ, A (because of) và D (despite) là giới từ.
        + Đặc biệt hơn nữa, **because** và **because of** đều thường được dịch sang tiếng Việt là **bởi vì**, còn although và despite đều thường được dịch sang tiếng Việt là **mặc dù.**
        + Vậy nên, cho dù có dịch nghĩa của câu đi nữa, chúng ta vẫn chưa thể chọn được từ thích hợp. Lúc này, ngữ pháp sẽ là chìa khóa giúp bạn chọn đáp án đúng.
   2. Cách phân biệt liên từ và giới từ:
      * + Cách phân biệt giữa liên từ và giới từ chỉ gồm 2 bước đơn giản:
          - Chúng ta chỉ cần xem từ sau chỗ trống đến trước dấu phẩy (hoặc dấu chấm nếu không có dấu phẩy) là mệnh đề hay cụm danh từ.

Mệnh đề có đủ chủ ngữ và động từ chia thì.

Cụm danh từ không có động từ chia thì.

* + - * + Nếu là mệnh đề thì chọn liên từ; nếu là cụm danh từ thì chọn giới từ.
      * Ví dụ:
        + \_\_\_\_\_\_ it rained, the outdoor concert was delayed. → Sau chỗ trống và trước dấu phẩy là mệnh đề (**it** là chủ ngữ, **rained** là động từ chia thì) → chọn liên từ.
        + \_\_\_\_\_\_ the bad weather, the outdoor concert was delayed. → Sau chỗ trống và trước dấu phẩy là cụm danh từ → chọn giới từ.
      * Những liên từ và giới từ dễ nhầm lẫn vì chúng có cùng ý nghĩa:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Nghĩa | Liên từ | Giới từ |
| Bởi vì | Because As Since | Because of Due to |
| Mặc dù | Though Although Even though | Despite In spite of |
| Trong khi | While | During |
| Trước khi | Before | Before Prior to |
| Sau khi | After | After Subsequent to |
| Để mà | In order that So that | (In order) to So as to |

* + - * Ngoài ra, bạn cũng nên học những liên từ quan trọng khác ở bài học về liên từ.

1. Chọn V-ing hay V-ed
   * Trong bài thi Part 5, bạn thỉnh thoảng sẽ gặp những câu hỏi yêu cầu bạn chọn tính từ V-ing hoặc V-ed. Để biết được nên chọn tính từ V-ing hay V-ed, chúng ta cần làm 2 bước:
     + **Verb có nghĩa là gì.**
     + **Chủ ngữ thực hiện Verb hay bị thực hiện Verb.**

# Mẹo thi TOEIC Part 5: Loại câu hỏi về từ vựng

* Chọn đáp án đơn thuần bằng cách dựa vào ngữ nghĩa
  + Thông thường, các câu hỏi từ vựng TOEIC Part 5 là những câu có các đáp án ABCD là những từ hoàn toàn khác nhau, không thuộc cùng một họ từ (family words) và không thể loại suy luận bằng ngữ pháp.
  + Ví dụ: Poor visibility has forced the airline to \_\_\_\_\_ the flight's departure time from 6 o'clock to 8 o'clock. (Tầm nhìn kém đã buộc hãng hàng không phải \_\_\_\_\_ thời gian khởi hành của chuyến bay từ 6 giờ sang 8 giờ.)
    - A. depend (phụ thuộc).
    - B. distort (làm méo mó).
    - C. demand (yêu cầu).
    - D. delay (trì hoãn).
  + Với các dạng câu hỏi như trên thì phương pháp duy nhất để chọn được câu đúng chính là dựa vào ý nghĩa của toàn câu. Và dựa vào phần dịch đi kèm ta có thể thấy đáp án D là đáp án phù hợp cho câu trên.
  + Việc biết được càng nhiều từ vựng TOEIC sẽ giúp chúng ta vượt qua những câu này dễ dàng hơn. Tuy nhiên nếu trong trường hợp ở câu trên mà bạn chỉ biết được nghĩa của 3 từ **depend**, **distort** và **demand** thôi thì cũng dễ dàng suy đoán được đáp án phù hợp là **delay** đúng không nào?!
* Chọn đáp án bằng cách suy luận dựa vào những từ đi chung với nhau (collocations)
  + Collocation hiểu nôm na đó chính là những từ được kết hợp với nhau để tạo thành một cụm từ có ý nghĩa và thường được dùng trong cuộc sống hàng ngày. Ví dụ cũng chỉ mang nghĩa là “màu đen” nhưng người Việt ta có những cụm từ khác nhau dùng để chỉ màu đen như “chó mực” hay “mèo mun” vậy đó.
  + Tương tự trong tiếng Anh sẽ có một số cụm từ đi chung với nhau, ví dụ như:
    - Make the bed – dọn dẹp giường.
    - Do the homework – làm bài tập.
    - T*a*ke a risk – làm liều, mạo hiểm.
    - Give someone advice – cho ai đó lời khuyên.
  + Một số dạng collocation thường thấy trong đề thi TOEIC:
    - Trạng từ + tính từ: completely satisfied = hoàn toàn thỏa mãn (chứ không nói downright satisfied).
    - Tính từ + danh từ: heavy rain = mưa lớn (chứ không nói big rain).
    - Danh từ + danh từ: a surge of anger = cơn thịnh nộ (chứ không nói a rush of anger).
    - Danh từ + động từ: lions roar = sư tử gầm (chứ không nói lions shout).
    - Động từ + danh từ: commit suicide = tự sát (chứ không nói undertake suicide).
    - Động từ + một cụm giới từ: burst into tears = òa khóc (chứ không nói blow up in tears).
    - Động từ + trạng từ: wave frantically = vẫy tay liên tục (chứ không nói wave feverishly).
* Lưu ý các từ có cách viết gần giống nhau dễ gây nhầm lẫn
  + Trong tiếng Anh có một số cặp từ dễ gây nhầm lẫn mà nếu chúng ta không để ý kỹ thì sẽ rất dễ rơi vào bẫy của đề thi TOEIC Part 5.
  + Một số cặp từ tiêu biểu có thể kể ra là:
    - **Accept**(chấp nhận) và **Except**(ngoại trừ).
    - **Adverse**(bất lợi) và **Averse**(chống lại).
    - **Advice**(lời khuyên) và **Advise**(khuyên răn).
    - **Affect**(gây ảnh hưởng) và **Effect**(sự ảnh hưởng).
    - **Assent**(sự đồng ý) và **Ascent**(sự đi lên).
    - **Brake**(thắng, phanh xe) **và**Break (sự đổ vỡ).
    - **Complement**(bổ sung) và **Compliment**(khen ngợi).
    - **Council**(hội đồng) và **Counsel**(khuyên).
    - **Desert**(sa mạc) và **Dessert**(món tráng miệng).
    - **Discrete**(riêng biệt) và **Discreet**(thận trọng).
    - **Ensure**(bảo đảm) và **Insure**(bảo hiểm).
    - **Everyday**(mỗi ngày – tính từ) và **Every day** (mỗi ngày – trạng từ).
    - **Hard**(khó, chăm chỉ) và **Hardly**(hầu như không).
    - **Historic**(kinh điển) và **Historical**(thuộc về lịch sử).
    - **Lose**(đánh mất) và **Loose**(rộng, lỏng lẻo).
    - **Principal**(hiệu trưởng) và **Principle**(chính).
    - **Site**(vị trí) và **sight**(tầm nhìn, thị lực).
    - **Stationary**(đứng yên) và **Stationery**(dụng cụ văn phòng).
    - **Story**(câu chuyện) và **Storey**(tầng).

# Mẹo thi TOEIC Part 6: Điền vào đoạn văn

* Tóm tắt lại một số mẹo thi TOEIC áp dụng cho part 5 và có thể áp dụng cho part 6:
  + **Xác định từ loại cần điền:** Khi biết được đây là câu hỏi về từ loại thì điều đầu tiên cần làm là phán đoán xem từ loại còn thiếu là từ loại nào: tính từ, trạng từ, danh từ hay động từ. Sau đó, tìm loại từ đó trong 4 phương án. Thông thường, những câu hỏi này không cần phải dịch câu.
  + **Học các từ thường đi chung với nhau (collocations)**. Chúng ta sẽ nói jealous of somebody chứ không nói jealous with somebody như khi chúng ta dịch từ tiếng Việt sang Anh.
  + **Lưu ý thì của các câu.** Nếu trong câu có dấu hiệu như in 2020, thì chắc hẳn động từ trong câu phải chia ở một trong những thì tương lai chứ không thể nào là quá khứ được.
  + **Việc phán đoán nhanh, loại trừ các đáp án sai** dựa vào các mẹo nhỏ sẽ giúp chúng ta tiết kiệm được rất nhiều thời gian làm part 6 để chúng ta tập trung làm part 7 cho tốt.
* Ngoài ra, dưới đây là 1 số mẹo dành riêng cho Part 6:
  + **Đọc ngay vào chỗ bài hỏi và nội dung các đáp án**. Khi làm bài ở part 6, chúng ta cần đọc ngay vào chỗ bài hỏi, không cần đọc cả bài. Sau đó, xác định loại câu hỏi bài đưa ra (từ loại, ngữ pháp, từ vựng).
  + Nếu hỏi về từ loại hoặc ngữ pháp thì chỉ cần **xem ở chỗ cần điền và từ xung quanh nó, không cần đọc cả câu**. Trong trường hợp câu đó chưa cung cấp đủ thông tin để trả lời, hãy đọc những câu xung quanh đó để giúp chọn phương án đúng (thường là những câu phía trên).
  + Theo cấu trúc đề thi TOEIC mới 2021 năm 2019, sẽ có 1 câu trong bài Part 6 yêu cầu bạn **chọn cả một câu vào chỗ trống**, thay vì chỉ một từ.  
    Khác với việc điền một từ, khi điền một câu vào đoạn văn, bạn cần xem các câu xung quanh chỗ trống này (thường là câu liền trước và câu liền sau) để hiểu được ý nghĩa cơ bản của đoạn văn rồi điền câu hợp nghĩa nhất vào giữa. Loại câu hỏi này sẽ yêu cầu bạn phải hiểu đoạn văn nhiều hơn và mất thời gian làm bài hơn lúc trước một chút.

# Mẹo thi TOEIC Part 7: Đọc hiểu đoạn văn

* Mẹo #1: Xác định thứ tự làm bài hợp lý.
  + Sau đây là thứ tự làm bài của các câu hỏi trong phần 7:
    - Đọc câu hỏi trước khi đọc bài → xác định bài muốn hỏi gì → đọc đoạn văn và tìm chỗ bài hỏi để đọc kỹ hơn.
    - Trả lời trước các câu hỏi thông tin như: Ai là người…? Ở đâu…? Khi nào…? để giúp có cái nhìn tổng quát về bài. Sau đó mới trả lời câu hỏi suy luận như: Mục đích…? Ta có thể suy được…? Thông tin KHÔNG có trong bài?
    - Câu hỏi yêu cầu tìm thông tin KHÔNG có trong bài đọc nên để đến cuối cùng hãy trả lời. Trả lời trước những câu hỏi khác sẽ phần nào giúp bạn loại trừ được phương án sai cho câu này hoặc ít ra cũng giúp bạn tìm được vị trí cần đọc thêm để loại trừ.
    - Thông thường, trừ những câu hỏi mang tính suy luận (ví dụ: Mục đích…? Ta có thể suy được…? Thông tin KHÔNG có trong bài?), thứ tự câu hỏi trong bài sẽ theo đúng mạch bài viết. Nghĩa là nếu bạn tìm được đáp án cho câu hỏi số 1 ở đoạn 1 thì đáp án cho câu hỏi số 2 sẽ nằm ở những câu hoặc đoạn văn nằm dưới chỗ có đáp án cho câu 1.
  + Riêng đối với Part 7 có đoạn kép hoặc 3 đoạn văn, bạn phải xem lướt qua tiêu đề của các đoạn văn là gì để hình dung được bối cảnh của các đoạn văn trước khi thực hiện bước đọc câu hỏi bên trên. Bước này giúp bạn dễ dàng xác định được đoạn văn nào mình nên chú ý đọc sau khi đã đọc nội dung câu hỏi.
* Mẹo #2: Đọc hiểu nhanh câu hỏi và rèn kỹ năng đọc lướt (Skim & Scan).
  + **Cách xác định bài muốn hỏi gì: Nhìn từ khóa (key word) từ câu hỏi.**
    - Ví dụ:
      * At what time does the club open? -→ hỏi thời gian mở cửa.
      * What is the price of the guitar? -→ hỏi về giá cả của cây đàn
      * For whom is the invitation intended? -→ Đối tượng mà thư mời nhắm đến (hỏi người), v.v...
  + **Rèn kỹ năng skim và scan.**
    - Khi biết đề muốn hỏi gì, ta xem lại bài đọc và tìm những đoạn có chứa từ khóa có trong câu hỏi (skim). Sau đó, xác định được nội dung cần tìm có ở đoạn nào rồi đọc kỹ đoạn đó để tìm được câu trả lời đúng (scan).
* Mẹo #3: Dùng ngữ cảnh để trả lời những câu hỏi về từ vựng hoặc về ý chính của bài.
  + Dùng ngữ cảnh để trả lời những câu hỏi về nghĩa của từ. Dù biết nghĩa từ này hay không, hãy nhìn ngữ cảnh xung quanh của từ đó để đoán nghĩa.
  + Với những câu hỏi mang tính suy luận, thông tin sẽ không được nói trực tiếp trong bài. Khi đó, hãy nhìn những từ và ý trong bài mà được nhắc đến trong từng phương án.
* Mẹo #4: Tìm thông tin kỹ và không kết luận quá vội vàng.
  + Chúng ta không nên kết luận quá vội vàng khi làm bài Part 7:
    - Nếu trong bài đọc có thông tin khác với thực tế đời sống thì chúng ta cũng phải làm theo, vì câu hỏi trắc nghiệm chỉ hỏi theo bài đọc, không hỏi theo đời sống.
    - Nếu trong bài đọc có bảng, biểu đồ, mẫu đơn, phiếu khảo sát, v.v thì nên cẩn thận vì phía dưới có thể sẽ có thông tin bổ sung cho chúng.
    - Với bài đọc đôi (2 đoạn văn), sẽ có ít nhất một câu hỏi yêu cầu bạn phải đọc lại cả 2 bài và liên kết thông tin từ chúng. Do đó mà khi đọc tìm ý cho phần này (skim và scan), nên nhìn qua cả 2 bài trước khi trả lời.